

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 6 – 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/02/2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: xã HL, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, Luật sư thuộc Công ty Luật A – Chi nhánh Bến Tre (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Danh Thị Ngọc T (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Năm 2017 ông Ph và ông T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố ST vào ngày 17/01/2017.

Trong quá trình chung sống, ông bà bắt đầu mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự, cãi. Ông Ph đã nhiều lần cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng hơn không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Hiện ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 12/2017 cho đến nay.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

Nay ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Ph xin được ly hôn với bà Danh Thị Ngọc T.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố ST.

- Bị đơn bà Danh Thị Ngọc T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Danh Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 17/01/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ph và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, ông Ph và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của ông Ph và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ph là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: ông Nguyễn Văn Ph tự khai không có con chung với bà Danh Thị Ngọc T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Danh Thị Ngọc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Danh Thị Ngọc T được ly hôn.

2. Về con chung: ông Nguyễn Văn Ph tự khai không có con chung với bà Danh Thị Ngọc T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000243 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn Ph đã nộp xong án phí.

Bà Danh Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Danh Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương